TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83/2023/QĐST- DS	*Vũng Tàu, ngày 08 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 645/2022/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn".

XÉT THẤY:

Căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1969
Nơi cư trú: Thôn M, xã P, thành phố B, tỉnh C.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim Quyền, sinh năm 1988
Địa chỉ: Chung cư H, phường A, Thành phố P, tỉnh Q.

Bị đơn**:** Bà Mai Thị Thanh H, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn M, xã P, thành phố B, tỉnh C.
Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Đỗ Thành T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Đường Z, phường K, thành phố B, tỉnh C

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Tuyết Y, sinh năm 1964 và ông Phan Văn S, sinh năm 1962
Địa chỉ: Thôn N, xã P, thành phố B, tỉnh C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Trần Ngọc V được chia phần đất có diện tích 36.3m^2 loại đất (CLN) thuộc thửa đất số 233 (cũ 1261), tờ bản đồ số 101 (cũ 09) tọa lạc tại Thôn M, xã P, thành phố B, tỉnh C. nằm trong thửa đất có diện tích 116m^2 đã được UBND thành phố

Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 018279 ngày 08/12/2005 hiện đứng tên ông Phan Văn Sơn, bà Nguyễn Thị Tuyết Y, ông Trần Ngọc V, bà Mai Thị H và theo Văn bản thỏa thuận góp vốn được công chứng chứng thực ngày 23/8/2018 tại Phòng công chứng số 02 thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giữa ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị Tuyết Y, ông Trần Ngọc V và bà Mai Thị H. Thửa đất có vị trí, số đo cụ thể thể hiện tại phần tọa độ gồm các điểm 2, 3, 14, 13 tại sơ đồ vị trí thửa đất ngày 06/12/2022 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp. Đồng thời ông V được quyền sỡ hữu toàn bộ công trình, kiến trúc được xây dựng trên phần đất này, gồm: Căn nhà 02 tầng, loại 3, xây dựng năm 2018. Diện tích xây dựng bằng diện tích sử dụng là 36.3m^2. Giá trị nhà và đất là 294.349.000 đồng.

2.2 Bà Mai Thị H được chia nhà đất có diện tích 190m^2 thuộc thửa số 234, tờ bản đồ số 101 (cũ 09) tọa lạc tại Thôn M, xã P, thành phố B, tỉnh C.theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 706067 do UBND thành phố Vũng Tàu cấp ngày 13/02/2005 cấp cho bà Mai Thị H và ông Trần Ngọc V. Thửa đất có vị trí, số đo cụ thể thể hiện tại phần tọa độ gồm các điểm (1, 2, 12, 11, 15, 10, 9) tại sơ đồ vị trí thửa đất ngày 06/12/2022 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp. Đồng thời bà H được quyền sỡ hữu toàn bộ công trình, kiến trúc được xây dựng trên phần đất này, gồm: Nhà 01 tầng loại 5 có diện tích 119,7m^2 và nhà tạm loại 1 có diện tích 45,6m2. Giá trị nhà và đất là 1.208.758.000 đồng.

(Có kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất ngày 06/12/2022 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Bà Mai Thị H có quyền đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định.

2.3 Về thanh toán tiền chênh lệch tài sản: Bà Mai Thị H có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông Trần Ngọc V 215.000.000 đồng.

2.4 Về chi phí đo đạc, định giá và sao lục hồ sơ: 7.000.000 đồng. Ông Trần Ngọc V đã tạm ứng chi phí này. Các bên thỏa thuận mỗi bên chịu 3.500.000 đồng. Bà Mai Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho ông V 3.500.000 đồng chi phí đo đạc và sao lục hồ sơ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí: Ông Trần Ngọc V phải chịu án phí của số tiền 294.349.000 đồng + 215.000.000 đồng = 509.349.000 đồng, ông V phải đóng số tiền 15.813.202 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Ông Trần Ngọc V đã nộp 28.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

Vũng Tàu theo biên lai thu tiền số 0002700 ngày 22 tháng 06 năm 2022. Ông V được hoàn lại số tiền 12.686.789 đồng.

Bà Mai Thị H phải chịu án phí của số tiền 1.208.758.000 đồng – 215.000.000 đồng = 993.758.000 đồng, bà H phải đóng 20.906.370 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu;*
- *Chi cục Thi hành án TP.Vũng Tàu*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(đã ký)

Đinh Thị Hồng Hà